

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP DH VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP DH VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DH VIETNAM GENERAL TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110865366

3. Ngày thành lập: 17/10/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Vĩnh Mộ, Xã Nguyễn Trãi, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0984748966

Fax:

Email: huygau25@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
2.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
3.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
4.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
5.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
6.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
7.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
8.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
9.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
10.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
11.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
12.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
13.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
14.	In ấn	1811
15.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
16.	Sao chép bản ghi các loại	1820
17.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
18.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
19.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
20.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
21.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
22.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591

23.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
24.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
25.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
26.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
27.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
28.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
29.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
30.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
31.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
32.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
33.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
34.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
35.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
36.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
37.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4513
38.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
39.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
40.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
41.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4543
42.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đầu giá)	4610
43.	Bán buôn thực phẩm	4632
44.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống không có cồn	4633
45.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641(Chính)

46.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Kinh doanh thuốc, nguyên liệu làm thuốc	4649
47.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
48.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
49.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Kinh doanh trang thiết bị y tế	4659
50.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
51.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
52.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
53.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động đấu giá và hoạt động nhà nước cấm)	4669
54.	Bán buôn tổng hợp (Loại trừ hoạt động đấu giá và hoạt động nhà nước cấm)	4690
55.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ đồ uống có cồn)	4711
56.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
57.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
58.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ đồ uống có cồn)	4723
59.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
60.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
61.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
62.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761

63.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
64.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
65.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem, và tiền kim khí)	4773
66.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
67.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô	4932
68.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
69.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
70.	Bốc xếp hàng hóa	5224
71.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
72.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng không)	5229
73.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
74.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
75.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
76.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ hoạt động tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính)	7020
77.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Không gồm hoạt động điều tra của các cơ quan nhà nước, hoạt động thám tử tư dưới mọi hình thức)	7320
78.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
79.	Điều hành tua du lịch	7912
80.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
81.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
82.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
83.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
84.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hoạt động báo chí)	8230
85.	Dịch vụ đóng gói	8292

